



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

(Trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2015

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 33

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Đã điều chỉnh – Thuyết minh số 28)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.794.644.069</b>	<b>1.326.076.878</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>572.981</b>	<b>1.449.756</b>
111	1. Tiền		572.981	1.449.756
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.792.656.170</b>	<b>1.323.479.683</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	22.670.764	15.808.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	567.410	4.543.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.510.757.588	405.196.050
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.261.030.197	899.828.997
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.369.789)	(1.896.760)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>1.028.896</b>	<b>1.123.079</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	1.028.896	1.123.079
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>386.022</b>	<b>24.360</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	24.360
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		100.191	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		285.831	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.604.939.439</b>	<b>9.345.285.052</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.703.320.877</b>	<b>3.343.583.806</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	2.703.320.877	3.343.583.806
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>45.939.164</b>	<b>53.835.887</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.475.958	11.323.042
222	Nguyên giá		25.036.836	23.802.035
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.560.878)	(12.478.993)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	36.463.206	42.512.845
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.733.979)	(5.684.340)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>7.855.101.013</b>	<b>5.946.621.909</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	7.581.925.022	5.698.161.358
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	273.175.991	248.460.551
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>578.385</b>	<b>1.243.450</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	578.385	1.243.450
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>13.399.583.508</b>	<b>10.671.361.930</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Đã điều chỉnh – Thuyết minh số 28)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.130.207.338</b>	<b>5.357.554.042</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.454.911.883</b>	<b>3.956.594.851</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	62.617.582	49.535.597
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.648.287	1.661.435
314	3. Phải trả người lao động		1.107.406	894.958
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	305.212.779	206.718.423
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	677.680.829	1.439.956.438
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	406.645.000	2.257.828.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.675.295.455</b>	<b>1.400.959.191</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	3.675.295.455	1.400.959.191
<b>400</b>	<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>20</b>	<b>8.269.376.170</b>	<b>5.313.807.888</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>8.269.376.170</b>	<b>5.313.807.888</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.081.438.950	3.990.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.081.438.950	3.990.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.550.810	1.295.347.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.185.386.410	27.790.888
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.790.888	19.507.500
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.157.595.522	8.283.388
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>13.399.583.508</b>	<b>10.671.361.930</b>

Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập

Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

Ngày 11 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
Quý IV năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	225.203	329.764	12.502.387	10.081.668
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	225.203	329.764	12.502.387	10.081.668
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(363.200)	(255.980)	(10.912.626)	(7.760.345)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(137.997)	73.784	1.589.761	2.321.323
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	114.544.846	88.730.335	1.554.902.898	465.662.845
22	7. Chi phí tài chính	23	(103.347.337)	(82.834.072)	(348.787.674)	(352.474.286)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(100.440.326)	(82.669.078)	(345.763.747)	(348.436.845)
25	8. Chi phí bán hàng		41.500	(41.515)	(1.434.776)	(2.005.159)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(10.487.245)	3.577.553	(46.629.496)	(18.475.415)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		613.767	9.506.085	1.159.640.713	95.029.308
31	11. Thu nhập khác	24	831.377	(2.763.801)	3.510.057	1.622
32	12. Chi phí khác	24	(1.061.202)	2.552.914	(5.741.753)	-
40	13. Lợi nhuận khác	24	(229.825)	(210.887)	(2.231.696)	1.622

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

Ngàn VNĐ

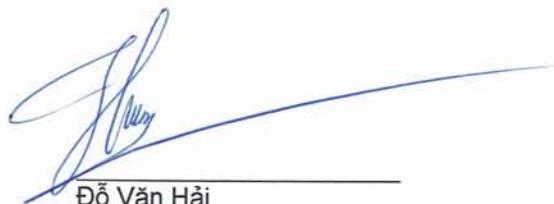
Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		383.942	9.295.198	1.157.409.017	95.030.930
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	(1.058.447)	186.505	(1.058.447)
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		383.942	8.236.751	1.157.595.522	93.972.483



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập

Ngày 11 tháng 03 năm 2016



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
 Quý IV năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>1.157.409.017</b>	<b>95.030.930</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10,11	9.580.583	9.262.807
03	Các khoản dự phòng		473.029	1.896.760
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.511.014	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.554.584.317)	(461.625.390)
06	Chi phí lãi vay		345.763.747	348.436.845
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(39.846.927)</b>	<b>(6.998.048)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(190.537.310)	(57.062.956)
10	Tăng hàng tồn kho		94.183	2.295.268
11	Tăng các khoản phải trả		54.282.869	155.005.962
12	Giảm chi phí trả trước		689.425	1.042.639
14	Tiền lãi vay đã trả		(294.208.451)	(250.912.907)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25	(1.157.773)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(234.747)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>(470.683.984)</b>	<b>(156.864.789)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(2.273.301)	(12.075.575)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		589.441	-
23	Tiền chi cho vay		(450.004.966)	(512.426.710)
24	Tiền thu hồi cho vay		19.652.607	6.942.619
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.794.800.626)	(646.123.065)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.232.022.899	43.176
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(994.813.946)</b>	<b>(1.163.639.555)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.797.972.760	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh – Thuyết minh số 28)
33	Tiền thu từ đi vay		4.256.390.738	1.875.797.660
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(4.506.651.183)	(552.021.613)
36	Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu		(83.091.160)	(2.365.542)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.464.621.155</b>	<b>1.321.410.505</b>
<b>50</b>	<b>Giảm (tăng) tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(876.775)</b>	<b>906.161</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>4</b>	<b>1.449.756</b>	<b>543.595</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>572.981</b>	<b>1.449.756</b>



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc

Ngày 11 tháng 03 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
Quý IV năm 2015**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010, và mười ba (13) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 03 tháng 04 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 06 tháng 05 năm 2015, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười hai, thay đổi tên Giám đốc Công ty từ Ông Trịnh Xuân Nhân thành Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Vào ngày 04 tháng 06 năm 2015, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ mười ba, tăng vốn điều lệ từ ba ngàn chín trăm chín mươi tỷ đồng lên bảy ngàn không trăm tám mươi một tỷ đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 79,52% vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi chính sách kế toán**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang      | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.7 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	6 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí quản lý các công ty con. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền gửi ngân hàng	353.027	1.348.016
Tiền mặt tại quỹ	219.954	101.740
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>572.981</b>	<b>1.449.756</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	3.385.413	15.808.396
Phải thu các bên liên quan (thuyết minh số 26)	19.285.351	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.670.764</b>	<b>15.808.396</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	567.410	4.543.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>567.410</b>	<b>4.543.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)</i>
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (thuyết minh số 26)	1.510.757.588	405.196.050
Các khoản khác	1.261.030.197	899.828.997
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.771.787.785</b>	<b>1.305.025.047</b>

Trong đó, phải thu các khoản khác bao gồm phải thu các bên liên quan số tiền là: 1.259.743.045 ngàn VNĐ (thuyết minh số 26)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Hàng hóa	945.200	965.139
Nguyên vật liệu	63.901	141.676
Công cụ, dụng cụ	19.795	16.264
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.028.896</u></b>	<b><u>1.123.079</u></b>

**9. PHẢI THU DÀI HẠN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Cho vay dài hạn bên liên quan (thuyết minh số 26)	2.703.320.877	3.343.583.806
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.703.320.877</u></b>	<b><u>3.343.583.806</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i>			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	16.616.942	6.903.819	281.274	23.802.035
Mua sắm mới	1.004.504	1.268.797	-	2.273.301
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.038.500)	-	(1.038.500)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>17.621.446</u>	<u>7.134.116</u>	<u>281.274</u>	<u>25.036.836</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(9.711.653)	(2.530.580)	(236.760)	(12.478.993)
Tăng trong kỳ	(2.724.826)	(765.928)	(40.190)	(3.530.944)
Thanh lý, nhượng bán	-	449.059	-	449.059
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>(12.436.479)</u>	<u>(2.847.449)</u>	<u>(276.950)</u>	<u>(15.560.878)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>6.905.289</u>	<u>4.373.239</u>	<u>44.514</u>	<u>11.323.042</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>5.184.967</u>	<u>4.286.667</u>	<u>4.324</u>	<u>9.475.958</u>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Phần mềm</i> <i>máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	48.197.185
Mua sắm mới	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>48.197.185</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(5.684.340)
Tăng trong kỳ	(6.049.639)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>(11.733.979)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.512.845
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>36.463.206</u>

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

**12.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Nông nghiệp	100,00	2.080.734.798	100,00	1.936.150.456
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Nông nghiệp	99,99	1.375.149.450	99,99	1.375.149.450
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Nông nghiệp	100,00	909.883.615	100,00	909.883.615
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh (i)	Nông nghiệp	97,77	440.512.398	97,54	439.601.488
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (ii)	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (iii)	Bất động sản và Nông nghiệp	99,53	394.313.155	99,42	373.422.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Nông nghiệp	100,00	171.654.457	100,00	171.654.457
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	100,00	66.673.191
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai (iv)	Nông nghiệp	-	-	99,83	425.625.996
Công ty Cổ phần Đông Pênh (v)	Nông nghiệp	99,70	798.397.600	-	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia (vi)	Nông Nghiệp	69,50	695.695.000	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>7.581.925.022</u></b>		<b><u>5.698.161.358</u></b>

(i) Trong kỳ, Công ty đã mua lại 0,23% cổ phần từ cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh, tăng tỷ lệ sở hữu từ 97,54% lên 97,77%.

(ii) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 98,61% cổ phần Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900985126 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2014. Lĩnh vực kinh doanh chính hiện tại của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên là chăn nuôi bò thịt. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2015, Công ty đã góp thêm 154.568.300 ngàn VNĐ vào Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên tăng tỷ lệ sở hữu lên 99%.

(iii) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm 0,04% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (Công ty con hiện hữu) với tổng giá mua là 20.000.000 ngàn VNĐ và mua lại từ cổ đông thiểu số 22.239 cổ phần, tăng tỷ lệ sở hữu từ 99,46% lên 99,53%.

(iv) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trồng Rừng Công nghiệp Gia Lai cho ba cá nhân là bà Lê Thị Ngọc Bích, Ông Nguyễn Văn Thiêng và Ông Trần Quang Dũng.

(v) Vào ngày 14 tháng 10 năm 2015, Công ty đã mua lại 19.940.000 (mười chín triệu chín trăm bốn mươi ngàn) cổ phần để sở hữu 99,70% cổ phần của Công ty Cổ phần Đông Pênh (Việt Nam).

(vi) Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, Công ty đã mua lại 13.900.000 (mười ba triệu chín trăm ngàn) cổ phần để sở hữu 69,50% cổ phần của Công ty Cổ phần An Đông Mia (Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	47,80	273.175.991	45,22	248.460.551

Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 2,58% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (Công ty liên kết) với tổng giá mua là 24.715.440 ngàn VNĐ và mua lại từ cổ đông thiểu số 549.232 cổ phần, tăng tỷ lệ sở hữu từ 45,22% lên 47,80%.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí trả trước dài hạn	578.385	1.243.450
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>578.385</b>	<b>1.243.450</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	300.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	66.073.000	249.278.400
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	40.572.000	8.549.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>406.645.000</b>	<b>2.257.828.000</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	62.617.582	49.535.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.617.582</b>	<b>49.535.597</b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 55.082 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	-	537.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	-	1.058.447
Thuế thu nhập cá nhân	1.648.287	65.317
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.648.287</b>	<b>1.661.435</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
Chi phí lãi vay	305.212.779	205.828.823
Các khoản khác	-	889.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>305.212.779</b>	<b>206.718.423</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	672.939.275	1.435.202.756
Phải trả khác bên thứ ba	4.741.554	4.753.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>677.680.829</b>	<b>1.439.956.438</b>

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	985.491.102	956.637.838
Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 19.2)	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.4 và 26)	1.096.449.353	702.149.353
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.081.940.455</b>	<b>3.658.787.191</b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	3.675.295.455	1.400.959.191
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	300.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 19.4)	66.073.000	249.278.400
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.1)	40.572.000	8.549.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

**19.1 Các khoản vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngàn VNĐ				
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	<u>723.036.497</u>	Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010), đã trả gốc 400.000USD	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (7% năm trong năm 2015)	Dự án trồng 10.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	40.572.000			
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	<u>262.454.605</u>	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (11.55% đến 11.7%/năm trong năm 2015)	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Bình Hiên, Bình Thuận, Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Hoàng Anh Gia Lai; 16.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyễn Đức – Chủ tịch HĐQT Cty CP Hoàng Anh Gia Lai.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>985.491.102</u></b>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	40.572.000			

**19.2 Trái phiếu kèm chứng quyền**

Ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VNĐ) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Ngoài ra, Công ty cũng cam kết trả lãi bổ sung 5%/năm cho khoản trái phiếu này kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày đáo hạn. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được là 750 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)**

**19.2 Trái phiếu kèm chứng quyền (tiếp theo)**

Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Nhóm Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền. Thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền là bốn (4) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền. Ngày 23 tháng 06 năm 2015, người sở hữu chứng quyền và Công ty đồng ý thỏa thuận rằng ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Như vậy, đối với chứng quyền trong mỗi đợt phát hành, ngày hết hạn là tròn sáu (6) năm kể từ ngày phát hành của chứng quyền trong đợt phát hành đó.

Ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã thỏa thuận mua lại trái phiếu trước hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số lượng là 12.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.200 tỷ VNĐ và Ngân hàng TMCP Tiên Phong số lượng là 5.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 500 tỷ VNĐ. Theo đó, 150.717.250 cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu kèm chứng quyền 2.000 tỷ VNĐ đã được giải chấp.

Khoản tiền lãi bổ sung 255 tỷ VNĐ tương ứng với 17.000 trái phiếu mua lại trước hạn được gia hạn thời hạn, chậm nhất là ngày 10 tháng 12 năm 2016 và được đảm bảo bằng 92.855.945 cổ phiếu của Công ty do Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai sở hữu. 92.855.945 cổ phiếu này cũng đã được dùng để thế chấp cho các trái phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai bao gồm trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 530 tỷ VNĐ – Trái phiếu Huỳnh Đệ, trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 350 tỷ VNĐ – Trái phiếu Phú Hoàng Anh và trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VNĐ – Trái phiếu HAGL 600.

Đồng thời Công ty đã thỏa thuận gia hạn trái phiếu có tổng mệnh giá là 300 tỷ VNĐ, theo đó thời gian đáo hạn mới là ngày 28 tháng 12 năm 2016. Trái phiếu 300 tỷ VNĐ này được đảm bảo bằng 29.435.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức và ông Nguyễn Anh Hòa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng Quý IV (Thuyết minh số 14).

**19.3 Trái phiếu không kèm chứng quyền**

Ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ), do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECC") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 tới ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh sở giao dịch xác định tại ngày xác định lãi suất cộng (+) biên độ là 4,5%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân ("QDB"), Ngân hàng TMCP Tiên Phong ("TPB") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") căn cứ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 với số tiền thu được lần lượt là 300 tỷ VNĐ, 200 tỷ VNĐ và 1.200 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**19.3 Trái phiếu không kèm chứng quyền (tiếp theo)**

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần dư nợ gốc 2.000 tỷ VNĐ mệnh giá trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức phát hành phát hành tháng 12 năm 2012 (bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào). Trái phiếu này được đảm bảo bằng 181.717.250 (một trăm tám mươi một triệu bảy trăm mười bảy ngàn hai trăm năm mươi) cổ phiếu của Công ty ("HNG") thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - Công ty mẹ. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VNĐ – Trái phiếu HAGL 600 của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.

**19.4 Các khoản vay dài hạn bên liên quan**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Thời hạn thanh toán	Lãi suất
	Ngàn VNĐ		
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ</i>			
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012	150.000.000	72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16%/năm
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Từ 14% đến 17%/năm
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011	99.278.400	72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11,925%/năm
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013	66.073.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	15%/năm
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12%/năm
Hợp đồng vay số 02/2015//HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87%/năm
Hợp đồng vay số 25-07/2015//HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,35%/năm
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.096.449.353</u></b>		
<i>Trong đó :</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	66.073.000		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VNĐ Tổng cộng
<b>Quý IV năm 2014</b>				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2014	3.990.670.000	1.295.347.000	24.229.546	5.310.246.546
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	93.972.483	93.972.483
Chia cổ tức	-	-	(90.189.142)	(90.189.142)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	(221.999)	(221.999)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>3.990.670.000</b>	<b>1.295.347.000</b>	<b>27.790.888</b>	<b>5.313.807.888</b>
<b>Quý IV năm 2015</b>				
Số dư ngày 01 tháng 01 năm 2015	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Phát hành thêm Cổ phiếu	798.723.950	999.248.810	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu trong năm bằng nguồn thặng dư	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	1.157.595.522	1.157.595.522
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>7.081.438.950</b>	<b>2.550.810</b>	<b>1.185.386.410</b>	<b>8.269.376.170</b>





## Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 20.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VNĐ	%	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	563.106.700	5.631.067.000	79,52	5.631.067.000
Cổ đông khác	145.037.195	1.450.371.950	20,48	1.450.371.950
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>708.143.895</b>	<b>7.081.438.950</b>	<b>100</b>	<b>7.081.438.950</b>

#### 20.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	708.143.895	399.067.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	708.143.895	399.067.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	708.143.895	399.067.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	708.143.895	399.067.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	708.143.895	399.067.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06 tháng 04 năm 2015 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 số 0604/15/ĐHĐCĐ-NNHAGL ngày 06 tháng 04 năm 2015, Công ty đã tiến hành chào bán và phát hành cổ phiếu với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 309.076.895 cổ phiếu, tăng vốn từ 3.990.670.000 ngàn VNĐ lên 7.081.438.950 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

**21. DOANH THU**

**21.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	-	329.764	12.071.564	10.081.668
Doanh thu cung cấp dịch vụ	225.203	-	430.823	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>225.203</b>	<b>329.764</b>	<b>12.502.387</b>	<b>10.081.668</b>

**21.2 DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	106.074.231	88.560.924	364.268.384	373.228.923
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.134	168.847	22.794	207.617
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-	37.643	-
Cổ tức	8.148.900	-	1.190.255.496	88.353.294
Chênh lệch tỷ giá	318.581	-	318.581	-
Các khoản khác	-	564	-	3.873.011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.544.846</b>	<b>88.730.335</b>	<b>1.554.902.898</b>	<b>465.662.845</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	(1.502.970)	255.980	9.046.456	7.760.345
Giá vốn của các dịch vụ	1.866.170	-	1.866.170	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>363.200</b>	<b>255.980</b>	<b>10.912.626</b>	<b>7.760.345</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	100.440.326	82.669.078	345.763.747	348.436.845
Các khoản khác	-	164.994	116.916	4.037.441
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.907.011	-	2.907.011	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.347.337</b>	<b>82.834.072</b>	<b>348.787.674</b>	<b>352.474.286</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**24. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>			
	<i>Quý IV</i>		<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>831.377</b>	<b>(2.763.801)</b>	<b>3.510.057</b>	<b>1.622</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	-	-	-
Các khoản khác	831.377	(2.763.801)	3.510.057	1.622
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.061.202)</b>	<b>2.552.914</b>	<b>(5.741.753)</b>	-
Giá trị còn lại của Tài sản thanh lý	-	-	-	-
Chi phí vi phạm hợp đồng	-	-	(2.000.000)	-
Các khoản khác	(1.061.202)	2.552.914	(3.741.753)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(229.825)</b>	<b>(210.887)</b>	<b>(2.231.696)</b>	<b>1.622</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế TNDN hiện hành*

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>12 tháng năm 2015</i>	<i>12 tháng năm 2014</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.157.409.017</b>	<b>85.735.732</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chi phí không đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ	-	-
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ kỳ này	(889.600)	-
Thu nhập cổ tức	(1.190.255.496)	(88.353.294)
Các khoản khác	24.052.198	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>(9.683.881)</b>	<b>(2.617.562)</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Trích thừa thuế TNDN cho các kỳ trước	(186.505)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	1.058.447	-
Trích thừa kỳ trước	(186.505)	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.157.773)	-
<b>Thuế TNDN trả thừa cuối kỳ</b>	<b>(285.831)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	2.106.390.738
		Cổ tức	83.091.160
		Chi phí lãi vay	117.170.466
		Mua cổ phần Bidiphar	24.715.440
		Mua Công ty Bò sữa Tây Nguyên	461.016.248
		Vay	450.000.000
		Bán hàng hóa, dịch vụ	1.078.679
		Phí trái phiếu	393.257
		Lãi cho vay	94.039.352
		Bán hàng hóa, dịch vụ	4.703.715
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	94.039.352
		Bán hàng hóa, dịch vụ	4.703.715
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	17.561.410
		Bán hàng hóa, dịch vụ	62.470
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	10.660
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	83.343.744
		Cổ tức	372.000.000
		Cho vay	199.999.980
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	81.218.679
		Cho vay	150.004.987
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	84.938.971
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	57.410.591
		Cổ tức	818.255.496
Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, tài sản	2.331.093
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Thanh lý tài sản	589.441
		Bán hàng hóa, dịch vụ	505.771
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay	23.882.177
		Bán hàng hóa, dịch vụ	4.769.767

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	772.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản	3.285.900
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	943.950
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.847.765
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	605.847
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	17.589
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.811.498
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>19.285.351</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay Lãi vay	128.221.602 32.348.831
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay Lãi vay Khác	129.120.002 166.450.807 5.406.428
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay Lãi vay Khác	336.073.001 280.531.850 7.212.881
Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay Lãi vay Cổ tức Khác	170.611.131 185.641.936 8.148.900 25.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay Lãi vay Cổ tức Khác	195.783.281 249.609.743 19.507.500 6.725.206
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay Lãi vay Khác	427.589.992 260.857.696 5.446.141
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Thu hộ Quỹ khen thưởng	- 2.065.085
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay Lãi vay Khác	123.358.579 29.460.203 304.838
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.770.500.633</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**26. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:  
 (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
<b>Phải thu dài hạn</b>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	633.329.591
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	320.151.353
Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.069.417.133
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	233.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	385.280.762
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	62.142.038
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.703.320.877</u></b>
<b>Phải trả người bán</b>			
Chi nhánh Cơ khí- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	27.335
Công ty TNHH MTV Kinh doanh xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	23.424
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	4.323
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>55.082</u></b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Andoung Meas	Công ty con	Mượn tiền	1.319.343
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	615.181.662
		Lãi vay	54.759.770
		Khác	1.457.388
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mượn tiền	150.381
Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Mượn tiền	70.731
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>672.939.275</u></b>
<b>Vay dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	<u>1.096.449.353</u>

900  
 CÔNG  
 CỔ P  
 IG N  
 UỐC  
 NG  
 A LA  
 I-T



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
Quý IV năm 2015

**27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200 chi tiết như sau:

*Bảng cân đối kế toán*

	Ngàn VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày theo thông tư 200)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>4.469.660.684</b>	<b>(3.343.583.806)</b>	<b>1.126.076.878</b>
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.466.915.730	(3.343.436.047)	1.123.479.683
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	405.196.050	405.196.050
- Phải thu ngắn hạn khác	4.448.461.094	(3.748.632.097)	699.828.997
IV. Tài sản ngắn hạn khác	172.119	(147.759)	24.360
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>6.001.701.246</b>	<b>3.343.583.806</b>	<b>9.345.285.052</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	3.343.583.806	3.343.583.806
- Phải thu về cho vay dài hạn	-	3.343.583.806	3.343.583.806

**28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Theo điều khoản và điều kiện trái phiếu kèm chứng quyền ngành Cao su, ngày đến hạn của trái phiếu và chứng quyền ban đầu là ngày 28 tháng 12 năm 2015. Khi đến hạn của chứng quyền, người sở hữu chứng quyền nhận thấy việc chuyển đổi chưa thực sự mang lại lợi ích, do đó đã thống nhất gia hạn thêm thời hạn chuyển đổi của chứng quyền. Đồng thời Công ty phải trả bổ sung khoản lãi với mức lãi suất 5%/năm tính từ ngày phát hành cho đến ngày đáo hạn của trái phiếu. Ảnh hưởng của việc bổ sung lãi suất 5%/năm tương ứng 100 tỷ VNĐ trong báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

*Bảng cân đối kế toán*

	Ngàn VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã phân loại theo thông tư 200)	Điều chỉnh hồi tố	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Sau điều chỉnh hồi tố)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.126.076.878</b>	<b>200.000.000</b>	<b>1.326.076.878</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>1.123.479.683</b>	<b>200.000.000</b>	<b>1.323.479.683</b>
6. Phải thu ngắn hạn khác	699.828.997	200.000.000	899.828.997
<b>270. TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>10.471.361.930</b>	<b>200.000.000</b>	<b>10.671.361.930</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>5.157.554.042</b>	<b>200.000.000</b>	<b>5.357.554.042</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>3.756.594.851</b>	<b>200.000.000</b>	<b>3.956.594.851</b>
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	6.718.423	200.000.000	206.718.423
<b>440. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>10.471.361.930</b>	<b>200.000.000</b>	<b>10.671.361.930</b>

712  
31  
TÀI  
KH  
TẾ  
NH  
I  
GIÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

*Bảng Kết quả hoạt động kinh doanh*

	Quý IV năm 2014	Điều chỉnh hồi tố	Ngàn VNĐ Quý IV năm 2014 (Sau điều chỉnh hồi tố)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	63.730.335	25.000.000	88.730.335
7. Chi phí tài chính	(57.834.072)	(25.000.000)	(82.834.072)
Trong đó: chi phí lãi vay	(57.669.078)	(25.000.000)	(82.669.078)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Điều chỉnh hồi tố	Ngàn VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Sau điều chỉnh hồi tố)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	365.662.845	100.000.000	465.662.845
7. Chi phí tài chính	(252.474.286)	(100.000.000)	(352.474.286)
Trong đó: chi phí lãi vay	(248.436.845)	(100.000.000)	(348.436.845)
11. Thu nhập khác	29.460.050	(29.458.428)	1.622
12. Chi phí khác	(29.458.428)	29.458.428	-

*Bảng lưu chuyển tiền tệ*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Điều chỉnh hồi tố	Ngàn VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Sau điều chỉnh hồi tố)
5. Lãi từ hoạt động đầu tư	(361.625.390)	(100.000.000)	(461.625.390)
6. Chi phí lãi vay	248.436.845	100.000.000	348.436.845

Ngoài ra, số liệu đã trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý III năm 2015 được điều chỉnh như sau:

	09 tháng năm 2015	Điều chỉnh hồi tố	Ngàn VNĐ 09 tháng năm 2015 (Sau điều chỉnh hồi tố)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.365.358.052	75.000.000	1.440.358.052
7. Chi phí tài chính	(170.440.337)	(75.000.000)	(245.440.337)
Trong đó: chi phí lãi vay	(170.323.421)	(75.000.000)	(245.323.421)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 Quý IV năm 2015

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Cao Su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao Su An Thịnh với số lượng cổ phiếu phát hành lần lượt là 27.500.000 cổ phiếu và 31.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 28.000 VNĐ/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015 và các hợp đồng chào bán và chào mua chứng khoán phát hành riêng lẻ số 01/HĐMBCK/2015 và số 02/HĐMBCK/2015 được ký ngày 1 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.081.438.950 ngàn VNĐ lên 7.671.438.950 ngàn VNĐ.

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2016, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam đã kiểm toán báo cáo tình hình thay đổi vốn cổ phần.

Ngày 03 tháng 03 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc mua lại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Công ty Đông Dương") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh, với tổng giá trị là 1.650.000.000.000 VNĐ (Một ngàn sáu trăm năm mươi tỷ đồng). Theo đó, Công ty Đông Dương có vốn điều lệ 1.465.000.000.000 VNĐ (Một ngàn bốn trăm sáu mươi lăm tỷ đồng) sẽ trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (với tỷ lệ sở hữu 100%) kể từ thời điểm nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng này.



Hồ Thị Tuyết Loan

Người lập  
 Ngày 11 tháng 03 năm 2016



Đỗ Văn Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng

Giám đốc